

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DSST-ST

Ngày: 25/9/2019.

*V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng
+ Thẻ chấp tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Nguyễn Văn Khanh**
- 2. Ông Tôn Phước Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ: số 40-42-44 phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người diện theo ủy Q: Ông Mai Quốc B, chức vụ: Phó phòng KHCN - Chi nhánh An Giang; địa chỉ: số 21 – 22A2, Lý Thái T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ái D, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Mỹ, T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Anh Nguyễn N; địa chỉ: ấp Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997 và chị Nguyễn Thị Trúc L; địa chỉ: ấp Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên Tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K ông Mai Quốc B trình bày: Nguyên ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T1 có đến Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh An Giang (sau đây viết tắt là Ngân hàng) vay số tiền 60.000.000 đồng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 309/2015/HĐHM/1200-2567 ngày 16/05/2015 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 309.02/2016/HĐTD/1200-5335 ngày 15/6/2016, mục đích vay để bổ sung vốn chăn nuôi heo, thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân 15/6/2016, ngày đến hạn 15/6/2017, lãi suất 12,6%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm vay thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%/năm. Lãi suất ngay khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi 10%/năm, tính trên số dư chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, hình thức trả lãi hàng tháng, trả gốc đến ngày đáo hạn

Để đảm bảo cho khoản vay, thì ông T và bà T1 có ký hợp đồng thế chấp Q sử dụng đất số 309/HĐTC-BĐS/1200-2567 ngày 16/05/2015 với đại diện ngân hàng. Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số AI 708046, số vào sổ H1017eB, diện tích 300 m² đất ở nông thôn, diện tích 188,9 m² đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 61, thửa 52, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2007 cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T1 đứng tên Q sử dụng. Tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn T cùng vợ là bà T1 chỉ thanh toán nợ và lãi cho ngân hàng đến ngày 19/8/2019 với số tiền là 35.000.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán, ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng cam kết nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Nguyễn T cùng vợ là bà Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019 cụ thể: Số tiền gốc 25.000.000 đồng, lãi suất đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 25.491.918 đồng. Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 26/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

309.02/2016/HĐTD/1200-5335 ngày 15/6/2016 hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông T và bà T1 không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện C có thẩm Q xử lý tài sản thế chấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số AI 708046, số vào sổ H1017eB, diện tích 300 m² đất ở nông thôn, diện tích 188,9 m² đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 61, thửa 52, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2007 cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T1 đứng tên quyền sử dụng. Tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 309/HĐTC-BDS/1200-2567 ngày 16/05/2015

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 16/5/2015, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1, ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 309/2015 với số tiền 60.000.000 đồng và hợp thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1017eB, diện tích 300m² đất ở nông thôn, diện tích 188.9m² đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2007 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Mộng T (đã chuyển cho ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 ngày 27/11/2013). Ngày 15/6/2016, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 309.02/2016 với số tiền vay là 60.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng (15/6/2016 đến 15/6/2017), đã giải ngân ngày 15/6/2016, lãi suất 12, 6%/năm, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Ông T, bà T1 đã trả vốn 35.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng đến ngày 19/8/2019 và ngưng đến nay. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu ông T, bà T1 trả 25.491.918 đồng gồm vốn 25.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với vốn và lãi 26.914.767 đồng. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với số tiền gốc và lãi 26.914.767 đồng.

Phía các ông, bà Nguyễn T, Nguyễn Thị T1 và các anh, chị Nguyễn Thị Ái D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 309 ngày 16/5/2015 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 309.02 ngày 15/6/2016, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K với ông T, bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông T,

bà T1 vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ vốn 25.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng là phù hợp Điều 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số 309/2015 ngày 16/5/2015, trong đó ông T, bà T1 thế chấp quyền sử dụng đất số H1017eB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Hợp đồng thế chấp có công chứng tại Văn phòng công chứng H và đăng ký thế chấp Q sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký Q sử dụng đất huyện C nên việc Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là có căn cứ theo Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với các anh, chị D, Q, N, T2, Trúc L đang sử dụng trực tiếp đất thế chấp, đã được triệu tập hợp lệ với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng các anh, chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến nên không có cơ sở xem xét đến quyền lợi của các anh, chị trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471, 474, 476, 715 - Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.
- Buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, số tiền vốn 25.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng.
- Ngân hàng thương mại cổ phần K có Q yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.
- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với số tiền 26.914.767 đồng.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà T1, ông T và những người có nghĩa vụ liên quan không đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà T1, ông T yêu cầu trả số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ. Đây là tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp

Mỹ T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà T1, ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 trả số tiền theo hợp đồng tín dụng nợ số tiền vốn gốc 60.000.000 đồng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên cho đến hôm nay thì ông T, bà T1 có trả số vốn và lãi là 26.914.767 đồng, do đó Ngân hàng Thương mại cổ phần K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số vốn và lãi là 26.914.767 đồng, hiện tại còn nợ số vốn và lãi là 25.491.918 đồng. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý, đến nay đã hết hạn nhưng vẫn chưa trả vốn gốc còn lại. Do bà T1, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền vốn 25.000.000 đồng là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Đối với tiền lãi quá hạn chậm trả lãi nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 25/9/2019 căn cứ theo quy định yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận. Tính đến ngày 25/9/2019 lãi quá hạn 491.918 đồng.

Xét thấy giữa ông T, bà T1 là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những cơ sở trên nên buộc ông T, bà T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 25.491.918 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng). Trường hợp bà T1, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T, bà T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ
Các Điều 471, 474, 476, 715, 721 - Bộ luật dân sự năm 2005,
Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K

Buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/9/2019 là 491.918 đồng (bốn trăm chín mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 25.491.918 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi một ngàn chín trăm mười tám đồng)

Kể từ ngày 26/9/2019 ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 309.02/2016/HĐTD/1200 - 5335 ngày 15/6/2016 cho đến khi ông T, bà T1 thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại K thì lãi suất mà ông T, bà T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 309/HĐTC – BDS/1200-2567 ngày 16.5.2015 và đã được Văn phòng công chứng

H chứng nhận ngày 18/5/2015 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích đất ở nông thôn diện tích 300 m², trong đó đất trồng cây lâu năm diện tích 1889.9m² thửa đất số 61, tờ bản đồ số 52 theo giấy nhận số AI 708046 GCN: H 1017eB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2007 mang tên ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 để đảm bảo thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với số tiền 26.914.767 đồng

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Án phí DSST: Ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 1.345.738 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K số tiền 1.310.000 đồng (một triệu ba trăm mười ngàn đồng) theo biên lai số 0012898 ngày 11.4.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn